TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 734/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 07/6/2018
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Tám

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Võ Thị Mai
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Viễn Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1556/2017/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017 về "Tranh chấp ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 142/2018/QĐST–HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1971; cư trú tại: Đường Đ, Phường 1, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Huỳnh Văn H, sinh năm 1966; cư trú tại: Đường O, Phường 6, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 14 tháng 11 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày:

Chị Võ Thị T và anh Huỳnh Văn H tự nguyện quen biết, tìm hiểu, yêu thương nhau từ năm 2006 đến năm 2007 và kết hôn với nhau, được Ủy ban nhân dân Phường H, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 053, quyển số 01/2007 ngày 02 tháng 8 năm 2007. Chị T và anh H có 01 con chung là cháu Huỳnh Tấn L, sinh ngày 15/11/2007.

Trong quá trình chung sống với nhau, cuộc sống của vợ chồng chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh H nhiều lần đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T cố gắng chịu đựng nhưng đến nay chị không thể chịu đựng được nữa. Chị T đã nhiều lần tha thứ cho anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được. Chị T không còn yêu thương anh H và anh chị chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, không ai có trách nhiệm lo cho nhau. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, chị T và anh H không sống hòa hợp hạnh phúc với nhau được. Hiện nay, anh chị đã sống ly thân và chị T đã chuyển về nhà cha mẹ chị ở. Chị T đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H ra Tòa án vào khoảng giữa năm 2017 nhưng được Tòa án động viên, hòa giải hàn gắn tình cảm nên chị T rút đơn khởi kiện, nhưng sau đó, chị T thấy anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên chị nộp lại đơn khởi kiện ly hôn. Chị T thấy tình cảm giữa vợ chồng anh chị không còn, không sống hòa hợp hạnh phúc được nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H để cho mỗi người cơ hội mới, ổn định cuộc sống về sau.

Trong quá trình vợ chồng chị T và anh H chung sống có mâu thuẫn thì hàng xóm và chính quyền địa phương nơi vợ chồng anh chị cư trú không ai biết. Vợ chồng chị cũng không nhờ hàng xóm và chính quyền địa phương can thiệp, giải quyết mâu thuẫn cho H vợ chồng vì chị cho rằng đây là việc nội bộ riêng trong gia đình, chị không muốn người ngoài biết.

Nếu được ly hôn:

Về con chung: Có 01 con chung tên cháu Huỳnh Tấn L, sinh ngày 15/11/2007. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lộc cho đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con vì gia đình chị có phòng trọ cho thuê nên có đủ điều kiện về tài chính để nuôi con. Mặc dù hiện tại, cháu Lộc đang ở nhà của anh H vì trường cháu học gần nhà anh H ở nhưng chị T vẫn đưa rước cháu đi học và đóng học phí cho cháu. Sau này, chị T sẽ rước cháu Lộc về ở với chị để nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu. Mặt khác, sức khỏe của anh H yếu vì bị bệnh và anh H chạy xe ôm hàng ngày nên có thu nhập thấp, không ổn định, không đủ điều kiện tài chính nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Huỳnh Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản của Tòa triệu tập anh Huỳnh Văn H nhiều lần đến Tòa để lấy lời khai, tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng anh Huỳnh Văn H không đến, do đó Tòa án không lấy lời khai của anh Huỳnh Văn H cũng như không tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự được.

Tại phiên tòa: Anh H vắng mặt không có lý do. Chị T có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn với anh H, con chung chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về ly hôn, anh H cư trú ở quận G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về tố tụng: Tòa án đã xác định đúng người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của chị T xin ly hôn với anh H là có cơ sở nên Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, công nhận chị T được ly hôn với anh H, giao con chung là cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi trưởng thành, tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Quan hệ tranh chấp giữa chị Võ Thị T và anh Huỳnh Văn H là ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh H có địa chỉ cư trú tại Đường O, Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập đương sự triệu tập anh H tới Tòa án để giải quyết vụ án nhưng anh H vắng mặt.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa kèm Giấy triệu tập đương sự triệu tập anh Huỳnh Văn H, chị Võ Thị T tham gia phiên tòa xét xử, nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Huỳnh Văn H vẫn vắng mặt không có lý do, chị Võ Thị T có đơn xin vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Võ Thị T, bị đơn anh Huỳnh Văn H.

[2].Về yêu cầu của các đương sự:

Chị Võ Thị T yêu cầu ly hôn với anh Huỳnh Văn H. Hôn nhân giữa chị T

và anh H là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 053, quyển số 01/2007 ngày 02 tháng 8 năm 2007 của Ủy ban nhân dân Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị T trình bày trong quá trình chung sống với nhau, cuộc sống của vợ chồng chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị bất đồng quan điểm sống, anh H nhiều lần đánh đập, đuổi chị T ra khỏi nhà. Chị T cố gắng chịu đựng nhưng đến nay chị không thể chịu đựng được nữa. Chị T đã nhiều lần tha thứ cho anh H để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được. Chị T không còn yêu thương anh H và anh chị chỉ sống trên danh nghĩa vợ chồng, không ai có trách nhiệm lo cho nhau. Cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chị không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài, chị T và anh H không sống hòa hợp hạnh phúc với nhau được. Anh chị đã sống ly thân và chị T đã chuyển về nhà cha mẹ chị ở. Chị T đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H ra Tòa án vào khoảng giữa năm 2017 nhưng được Tòa án động viên, hòa giải hàn gắn tình cảm nên chị T rút đơn khởi kiện, nhưng từ đó, chị T thấy anh chị vẫn không thể hàn gắn tình cảm được nữa nên chị nộp lại đơn khởi kiện ly hôn. Chị T thấy tình cảm giữa vợ chồng anh chị không còn, không sống hòa hợp hạnh phúc được nên chị nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh H để tạo cho mỗi người cơ hội mới, ổn định cuộc sống về sau.

Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H tại Hội liên hiệp phụ nữ Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, kết quả xác minh xác nhận không biết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H, chỉ biết hiện nay chị T và anh H đã sống ly thân, chị T không còn sống chung nhà với anh H nữa, anh chị có 01 con chung.

Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình thương yêu giữa H vợ chồng, cùng vun đắp, chăm sóc lẫn nhau để xây dựng một gia đình hạnh phúc. Thực tế, giữa chị T và anh H đã không còn chung sống với nhau. Chị T đã từng nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh H ra Tòa, sau đó chị rút lại đơn khởi kiện để mong có thời gian và cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H nhưng tình cảm của anh chị vẫn không thể hàn gắn được nên chị nộp lại đơn khởi kiện ly hôn. Mặt khác, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến Tòa án để trình bày ý kiến về vụ kiện, hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn được, anh H không thiết tha hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị T nữa nên đã không đến Tòa, anh chị thực sự không còn yêu thương nhau, không quan tâm đến nhau nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị T với anh H là có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa chị T với anh H hoàn toàn không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của chị T với anh H là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị T và anh H có 01 con chung là cháu Huỳnh Tấn L sinh ngày 15/11/2007. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng cháu Huỳnh Tấn L cho đến khi trưởng thành, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện và gia đình chị có phòng trọ cho thuê nên có đủ điều kiện về tài chính để nuôi con. Mặc dù hiện tại, cháu Huỳnh Tấn L đang ở nhà của anh H vì trường cháu học gần nhà anh H ở nhưng chị T vẫn đưa rước cháu đi học và đóng học phí cho cháu. Sau này, chị T sẽ rước cháu Huỳnh Tấn L về ở với chị để nuôi dưỡng và chăm sóc cho cháu. Mặt khác, sức khỏe của anh H yếu vì bị bệnh và anh H chạy xe ôm hàng ngày nên có thu nhập thấp, không ổn định, không đủ điều kiện tài chính nuôi con. Tòa án cũng đã tham khảo ý kiến của cháu L thì cháu có nguyện vọng muốn được ở với chị T. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung là cháu Huỳnh Tấn L cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành là phù hợp với điều kiện của chị T và anh H, đảm bảo tốt nhất cho cuộc sống của cháu Huỳnh Tấn L về mặt thể chất cũng như tinh thần, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của anh H cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Huỳnh Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*:* Chị T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật án phí, lệ phí Tòa án.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về quan hệ hôn nhân của chị T và anh H, việc nuôi con chung, tài sản chung, nợ chung là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử thống nhất.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị T được ly hôn với anh Huỳnh Văn H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 053, quyển số 01/2007 của Ủy ban nhân dân Phường S, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02 tháng 8 năm 2007 không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Huỳnh Tấn L, sinh ngày 15/11/2007 cho chị Võ Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu Huỳnh Tấn L đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Huỳnh Văn H cho đến khi một trong các bên có yêu cầu.

Anh Huỳnh Văn H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở quyền này của anh Huỳnh Văn H.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Võ Thị T và anh Huỳnh Văn H không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị T phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị Võ Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0027978 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị Võ Thị T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Võ Thị T, bị đơn anh Huỳnh Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát ND quận Gò Vấp;
- Thi hành án DS quận Gò Vấp;
- Ủy ban nhân dân phường S;
- Các đương sự
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên và đóng dấu)

Đặng Thị Tám